

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|--|--|---------------------------|-------------------------------|---|---------------------------|
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| 1 | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ . | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 07 |
| 2 | Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu |
| 3 | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽⁴⁾ | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.835.768.182 VND. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 08 |
| 4 | Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự | Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Cung cấp dịch vụ vệ sinh cho cơ sở y tế ⁽¹⁰⁾ ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 403.869.000 ⁽¹¹⁾ VND. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 05 |

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyên nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng

hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công

việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 ($30\% \times 04$ tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 ($30\% \times 03$ tỷ đồng).

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu có ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)⁽¹⁾

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự | Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾ |
|-----|------------------|----------|--|---|
| 1 | Quản lý chung | 01 | Tối thiểu 3 năm hoặc | Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên môn trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh hoặc Kinh tế. |

| | | | |
|---|--------------------------------|----|---|
| | | | <p><i>tối thiểu 02 hợp đồng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hoặc chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động. - Có chứng nhận kỹ năng giao tiếp ứng xử - Có chứng chỉ đào tạo về kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện hoặc tương đương. - Có chứng chỉ đào tạo tập huấn công tác vệ sinh bệnh viện do cơ quan nhà nước (có đủ điều kiện) cấp hoặc tương đương. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự là Cán bộ chuyên môn (căn cứ các bảng kê khai của E-HSDT theo Mẫu số 6A, 6B và 6C Chương IV, E-HSMT). - E-HSDT phải kèm theo bản sao có chứng thực của cơ quan chức năng, bao gồm: Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận hoặc các bằng cấp khác tương đương. Trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu thì phải cung cấp tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. |
| 2 | Công nhân làm công tác vệ sinh | 13 | <p><i>tối thiểu 01 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</i></p> <p>Mỗi công nhân làm công tác vệ sinh phải có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ như sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải còn trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật hiện hành. - Có chứng chỉ hoặc chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động. - Có chứng chỉ đào tạo về kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện hoặc tương đương. - Có chứng nhận kỹ năng giao tiếp ứng xử - Có chứng chỉ đào tạo tập huấn công tác vệ sinh bệnh viện do cơ quan nhà nước (có đủ điều kiện) cấp hoặc tương đương. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự là lĩnh vực làm vệ sinh(căn cứ các bảng kê khai của E-HSDT theo Mẫu số 6A, 6B và 6C Chương IV, E-HSMT). - E-HSDT phải kèm theo bản sao có chứng thực của cơ quan chức năng, bao gồm: Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận hoặc các bằng cấp khác tương đương. Trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu thì phải cung cấp tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. |

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

| STT | Danh mục | ĐVT | Số lượng (tối thiểu) |
|------------|---------------------------|-----------|----------------------|
| I | Hóa chất | | |
| 1 | Hóa chất lau kính | lít | 715 |
| 2 | Hóa chất bồn cầu | lít | 663 |
| 3 | Hóa chất lau sàn | lít | 542 |
| 4 | Nước thơm | lít | 528 |
| 5 | Inoc | lít | 622 |
| 6 | Nước diệt khuẩn Surfanios | lít | 442 |
| II | Túi đựng rác | kg | 958 |
| III | Dụng cụ vệ sinh: | | |
| 1 | Xe vắt 2 xô | chiếc | 14 |
| 2 | Cây lau | cây | 14 |
| 3 | Đầu lau | tám | 162 |
| 4 | Thang | cái | 01 |

| | | | |
|-----------|--|-----------|-----|
| 5 | Ghế cao | cái | 01 |
| 6 | Khăn | cái | 135 |
| 7 | Chổi cỏ | cây | 114 |
| 8 | Ky | cây | 35 |
| 9 | Sùi cán dài | cây | 45 |
| 10 | Bình xịt | cái | 80 |
| 11 | Ống nối | cây | 01 |
| 12 | Xô | cái | 14 |
| 13 | Bông thô | cái | 20 |
| 14 | Cây quét mạng nhện | cây | 28 |
| 15 | Đồng phục (bao gồm: Quần, áo, mũ, ủng, khẩu trang) | bộ | 28 |
| IV | Máy móc thiết bị | | |
| 1 | Máy đánh sàn: - Điện áp: 220V/50-60Hz (hoặc tương đương) - Công suất: 580 W/ 0.75 Hp (hoặc tương đương) - Tốc độ: 192 rpm/min (hoặc tương đương) | 01 Cái | |
| 2 | Máy hút bụi: - Điện áp: 220V (hoặc tương đương) - Công suất: 3600W (hoặc tương đương) - Dung tích thùng chứa: 80L(hoặc tương đương) - Chức năng: hút khô, hút nước và các bụi bẩn công nghiệp (hoặc tương đương) | 01 Cái | |
| 3 | Máy bắn áp lực: - Áp lực: max 120 bar (hoặc tương đương) - Lưu lượng: 360L/h (hoặc tương đương) - Công suất: 1700W, 220V/50Hz (hoặc tương đương) | 01 Cái | |
| | | | |

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------|---------------------------------------|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| I | Giải pháp và phương pháp luận: | | |
| 1 | Hiểu rõ mục đích, nội dung gói thầu | Có trình bày mục đích của gói thầu và phù hợp với tính chất gói thầu; hiểu rõ về gói thầu và trình bày chi tiết về từng vấn đề phải đáp ứng theo nội dung Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không trình bày mục đích gói thầu hoặc có trình bày mục đích gói thầu nhưng không phù hợp tính chất gói thầu; chưa hiểu biết về gói thầu hoặc có trình bày nhưng sơ sài hoặc thiếu nội dung cơ bản không đáp ứng theo nội dung Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 2 | Cách tiếp cận và phương pháp luận | Đáp ứng yêu cầu tất cả các tiêu chí tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8 Khoản 2 này. | Không đáp ứng lớn hơn hoặc bằng 01 tiêu chí trong các tiêu chí theo yêu cầu tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.8 Khoản 2 này. |
| 2.1 | Phạm vi cung cấp dịch vụ | Có đề xuất phạm vi cung cấp dịch vụ đầy đủ và đáp ứng phạm vi cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu E-HSMT. | Không có đề xuất phạm vi cung cấp dịch vụ hoặc có đề xuất phạm vi cung cấp dịch vụ nhưng không đầy đủ và không đáp ứng phạm vi cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu E-HSMT. |
| 2.2 | Diện tích cần làm vệ sinh | Đề xuất đúng, đủ đáp ứng với yêu cầu tại điểm khoản 3.1 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đúng, đủ đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.1 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 2.3 | Về chất lượng vệ sinh Trung tâm Y tế | Trình bày một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.2 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không chi tiết, rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.2 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 2.4 | Những dịch vụ cần cung cấp | Có cam kết cung cấp đủ các dịch vụ đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có cam kết cung cấp đủ các dịch vụ đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----|---|--|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| 2.5 | Kỹ thuật chung công việc vệ sinh | Trình bày một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.1 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không chi tiết, rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.1 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 2.6 | Chi tiết công việc vệ sinh từng khu vực | Trình bày một cách chi tiết từng công việc, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.2 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không chi tiết từng công việc, rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.2 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 2.7 | Xử lý rác thải | Trình bày một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.3 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không chi tiết, rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.3 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 2.8 | Quy trình làm sạch | Trình bày đầy đủ, chi tiết, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.4 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không đầy đủ, không chi tiết, không rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại điểm 3.4.4 khoản 3.4 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 3 | Hóa chất và dụng cụ làm việc sinh | Đề xuất cung cấp đầy và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.5 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.5 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 4 | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện | Trình bày một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.6 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không chi tiết, rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.6 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 5 | Giải pháp về an toàn lao động | Trình bày một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp và đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.7 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. | Không có trình bày hoặc có trình bày nhưng trình bày không chi tiết, rõ ràng và không phù hợp hoặc không đáp ứng với yêu cầu tại khoản 3.7 Mục 3 Chương V Phần 2 của E-HSMT. |
| 6 | Kế hoạch triển | Có kế hoạch triển khai các | Không trình bày hoặc có trình |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------|---|--|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| | khai | <p>hạng mục công việc của gói thầu một cách khoa học, hợp lý, trình bày một cách rõ ràng chi tiết về từng mốc thời gian cho từng nhiệm vụ và đáp ứng tất cả các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch có thể hiện đầy đủ công việc theo tính chất công việc của gói thầu và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu theo E-HSMT. - Có dự kiến từng mốc thời gian thực hiện phù hợp với từng nội dung công việc. - Có phương án bố trí trang thiết bị thực hiện. | <p>bày nhưng sơ sài hoặc thiếu nội dung cơ bản, kế hoạch triển khai không hợp lý hoặc không đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch không có thể hiện đầy đủ công việc theo tính chất công việc của gói thầu và không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu theo E-HSMT. - Có dự kiến từng mốc thời gian thực hiện phù hợp với từng nội dung công việc. - Có phương án bố trí trang thiết bị thực hiện. |
| 7 | Bố trí nhân sự | <p>Bố trí nhân sự chi tiết phù hợp với các hạng mục công việc và kế hoạch thực hiện, đáp ứng tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sơ đồ bố trí nhân sự thực hiện phù hợp với công việc, tính chất của gói thầu. - Có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng vị trí hoặc từng nhóm nhân sự thực hiện gói thầu và phù hợp với nhân sự đề xuất. | <p>Không bố trí nhân sự hoặc có bố trí nhân sự thực hiện gói thầu nhưng không cụ thể hoặc chưa phù hợp với các hạng mục công việc và kế hoạch thực hiện hoặc không đáp ứng tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có sơ đồ bố trí nhân sự thực hiện hoặc có nhưng không phù hợp với công việc, tính chất của gói thầu. - Không có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng vị trí hoặc từng nhóm nhân sự thực hiện gói thầu hoặc phân công nhiệm vụ không phù hợp với nhân sự đề xuất. |
| 8 | Thời gian thực hiện gói thầu | Có cam kết thời gian thực hiện gói thầu: tối thiểu 12 tháng. | Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng thời gian thực hiện gói thầu nhỏ hơn 12 tháng. |
| II | Các yêu cầu đảm bảo thực hiện gói thầu | | |
| 1 | Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng | <ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết các nội dung: Quản lý chất thải Y tế đúng quy định và an toàn; Môi trường TTYT luôn xanh, sạch; Khoa, phòng, buồng bệnh,... luôn sạch, gọn, an toàn. Trong quá trình vệ sinh để xảy ra hư hỏng hoặc mất mát thì phía nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho TTYT. | <ul style="list-style-type: none"> - Không có cam kết các nội dung: Quản lý chất thải Y tế đúng quy định và an toàn; Môi trường TTYT luôn xanh, sạch; Khoa, phòng, buồng bệnh,... luôn sạch, gọn, an toàn. Trong quá trình vệ sinh để xảy ra hư hỏng hoặc mất mát thì phía nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho TTYT. |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------|---|---|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| 2 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ | Có các đề xuất giải pháp thực hiện dịch vụ đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn yêu cầu trong E-HSMT, quy định của Bộ Y tế và các ngành liên quan | Có các đề xuất giải pháp thực hiện dịch vụ không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn yêu cầu trong E-HSMT, quy định của Bộ Y tế và các ngành liên quan |
| 3 | Bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy | Nhà thầu có đề xuất thuyết minh giải pháp thực hiện gói thầu đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy. | Nhà thầu không có đề xuất thuyết minh giải pháp thực hiện gói thầu đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc có giải pháp nhưng không phù hợp tính chất của gói thầu và không phù hợp theo quy định hiện hành về phòng cháy, chữa cháy. |
| 4 | Kinh nghiệm và uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự | Nhà thầu không có hợp đồng tương tự thực hiện chậm tiến độ hoặc bị bỏ dở do lỗi của nhà thầu (kèm theo tài liệu chứng minh: hợp đồng; biên bản nghiệm thu hợp đồng tương tự). | Nhà thầu có hợp đồng tương tự thực hiện chậm tiến độ hoặc có hợp đồng tương tự bị bỏ dở do lỗi của nhà thầu hoặc nhà thầu bị bên thuê dịch vụ đánh giá không hoàn thành hợp đồng hoặc bên thuê dịch vụ đánh giá không thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký. |
| 5 | Thực hiện dịch vụ trong trường hợp đột xuất | Nhà thầu có cam kết thực hiện tốt các dịch vụ trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Bên mời thầu (bên thuê dịch vụ). | Nhà thầu không có cam kết thực hiện tốt các dịch vụ trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Bên mời thầu (bên thuê dịch vụ). |
| KẾT LUẬN | | Đạt các nội dung I, II của bảng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật | Không đạt nội dung I hoặc II của bảng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không phân chia.